TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ X** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-ST
Ngày: 09 - 4 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Dc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Duy Thanh;

2. Ông Lý Vĩnh Thành.

- Thư ký phiên toà: Ông Võ Đại Nam, Thư ký Toà án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Hoàng, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 295/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Tg, sinh năm 1977, địa chỉ nơi cư trú: Số 14, khóm 1, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang. Do chị Nguyễn Thị Việt Bh đại diện ủy quyền.

Đồng bị đơn:

- Anh Nguyễn Hữu Dc, sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú: 89/17, phường CP, thành phố X, tỉnh An Giang; hiện đang sinh sống tại hẻm Chùa PD, tổ 26, khóm 6, phường CP, thành phố X, tỉnh An Giang.

- Chị Nguyễn Thị Thùy Tg, sinh năm 1987, địa chỉ nơi cư trú: hẻm Chùa PD, tổ 26, khóm 6, phường CP, thành phố X, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Việt Bh có mặt; ông Nguyễn Hữu Dc và bà Nguyễn Thị Thùy Tg vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị Tg trình bày:* chị có cho anh Nguyễn Hữu Dc và chị Nguyễn Thị Thùy Tg vay nhiều lần tiền, tính đến ngày 23/4/2018, chị Tg đã cho anh Dc và chị Tg vay số tiền 5.800.000.000 (*Năm tỷ tám trăm triệu đồng)*, mục đích vay để kinh doanh, được thể hiện tại biên nhận ngày 23/4/2018 do ông Dc, bà Tg cùng ký tên và ghi họ tên người mượn tiền. Thời gian sau, chị Tg có yêu cầu lấy lại tiền đã cho mượn, nên đã gặp anh Dc, chị Tg yêu cầu trả lại, nhưng anh Dc, chị Tg cứ hẹn hết lần này, đến lần khác, mà không thực hiện việc trả lại số tiền đã mượn 5.800.000.000 (*Năm tỷ tám trăm triệu đồng)*;

Đến ngày 22/10/2020, chị Tg tiếp tục gửi thông báo về việc yêu cầu trả tiền vay mượn đến với anh Dc, chị Tg, với thời gian đến tháng hết 11 năm 2020, thì ông Dc và chị Tg phải thanh toán toàn bộ số tiền đã vay của chị Tg là 5.800.000.000 (*Năm tỷ tám trăm triệu đồng)*. Tuy nhiên, đến hết tháng 11 năm 2020, anh Dc và chị Tg vẫn không thực hiện việc trả nợ với số tiền đã vay mượn như trên. Do đó, chị Phạm Thị Tg khởi kiện yêu cầu tòa án buộc anh Nguyễn Hữu Dc và chị Nguyễn Thị Thùy Tg cùng liên đới chịu trách nhiệm trả cho chị Tg số tiền 5.800.000.000 (Năm tỷ tám trăm triệu đồng), đồng thời tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày khởi kiện đến khi thi hành án xong.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hợp pháp, chị Phạm Thị Tg đã cung cấp tài liệu chứng cứ gồm: Bản chính biên nhận ngày 23/4/2018 (nội dung ghi mượn số tiền 5.800.000.000 (Năm tỷ tám trăm triệu đồng), người mượn tiền ký tên, ghi họ tên Nguyễn Hữu Dc và Nguyễn Thị Thùy Tg); 02 bản photo dịch vụ chuyển phát nhanh; Thông báo đòi nợ đề ngày 22 tháng 10 năm 2020;

Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần thông báo mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn Hữu Dc, chị Nguyễn Thị Thùy Tg đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Do anh Nguyễn Hữu Dc, chị Nguyễn Thị Thùy Tg vắng mặt, nên tòa án đã thông báo số 89/TB-TA ngày 18/3/2021 về việc đã thu thập được tài liệu, chứng cứ cho anh Dc, chị Tg cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nhưng anh Dc, chị Tg vẫn không đến tòa trình bày ý kiến và tham gia hòa giải;

Tại phiên tòa,

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Việt Bh trình bày: Vẫn giữ yêu cầu khởi kiện là tòa án buộc Nguyễn Hữu Dc và Nguyễn Thị Thùy Tg cùng liên đới trả 5.800.000.000 (*Năm tỷ tám trăm triệu đồng)* và tiền lãi từ ngày 15/12/2020 cho đến khi thi hành án xong.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo qui định tại các Điều 195, 196, 198 và 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyễn đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn vắng mặt lần thứ 2, thuộc trường hợp tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Năm 2017, chị Tg cho vợ chồng anh Dc, chị Tg vay tiền nhiều lần tổng cộng 5.800.000.000 (*Năm tỷ tám trăm triệu đồng)*, có làm biên nhận ngày 23/8/2018. Quá trình vay nợ chị Tg nhiều lần yêu cầu anh Dc, chị Tg trả nợ nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện. Nay, chị Tg khởi kiện yêu cầu anh Dc, chị Tg trả số tiền vốn gốc 5.800.000.000(*Năm tỷ tám trăm triệu đồng)* và lãi theo quy định pháp luật từ ngày khởi kiện đến khi thi hành án xong. Bị đơn, mặt dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tòa án để cung cấp lời khai, tham gia hòa giải. Theo biên bản xác minh ngày 24/02/2021 tại Văn phòng Ban khóm 6, phường CP, thành phố X, thể hiện anh Dc, chị Tg biết việc chị Tg yêu cầu trả nợ nhưng có cố tình trốn tránh nghĩa vụ;

Xét, việc vay nợ của các bên là trên cơ sở tự thỏa thuận, có làm biên nhận, nhưng anh Dc, chị Tg vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên chị Tg khởi kiện và yêu cầu tính lãi theo pháp luật từ ngày khởi kiện đến khi thi hành án xong là có cơ sở chấp nhận;

Căn cứ Điều 463, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Đề xuất chấp nhận yêu cầu kiện của nguyên đơn;

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quết định.

Tòa án công bố những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình tố tụng và lời khai những người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ việc: Chị Phạm Thị Tg có đơn khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Hữu Dc và chị Nguyễn Thị Thùy Tg cùng liên đới trả tiền vay và lãi. Xét, đây là tranh chấp dân sự phát sinh từ hợp đồng dân sự về vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; anh Dc, chị Tg có nơi cư trú tại phường CP, thành phố X, chị Tg đã nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân thành phố X theo quy định Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tung dân sự năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện nên không xem xét.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: anh Nguyễn Hữu Dc và chị Nguyễn Thị Thùy Tg vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai, không có yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét, về việc vắng mặt của anh Dc, chị Tg thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Dc, chị Tg đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng anh Dc, chị Tg vẫn vắng mặt không tham gia phiên tòa đến lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng. Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt anh Dc, chị Tg theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[4] Về vốn vay và lãi suất:

Vốn vay: Chị Phạm Thị Tg khởi kiện yêu cầu tòa án buộc anh Nguyễn Hữu Dc và chị Nguyễn Thị Thùy Tg liên đới trả số tiền vay 5.800.000.000 (*Năm tỷ tám trăm triệu đồng)* theo biên nhận mượn tiền ngày 23 tháng 4 năm 2018 và tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày khởi kiện (ngày 15/12/2020) cho đến khi thi hành án xong;

Tại biên bản ghi nhận lời khai người làm chứng được tòa án cùng lập ngày 29/12/2020 được chị Lê Thị Thu Thủy, hiện đang công tác tại Công an tỉnh An Giang và chị Nguyễn Thị Tý, thì đều xác định trực tiếp chứng kiến việc anh Dc và chị Tg viết biên nhận kết toán số tiền nợ chị Tg theo biên nhận ngày 23 tháng 4 năm 2018; Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, cũng như đã thông báo về việc tòa án thu thập được các tài liệu, chứng cứ cho anh Dc và chị Tg nhận biết, trong đó có biên nhận ngày 23/4/2018; tại biên bản xác minh ngày 24/02/2021 Ban khóm 6, phường CP, thành phố X cho biết anh Dc, chị Tg đã nhận biết được các văn bản này, cũng như nhận biết việc chị Tg kiện yêu cầu trả tiền vay 5.800.000.000(*Năm tỷ tám trăm triệu đồng)* và lãi nhưng anh Dc, chị Tg vẫn không đến tòa để trình bày ý kiến, tham gia hòa giải là cố tình trốn tránh trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị Tg;

Xét thấy, hợp đồng vay, mượn tiền giữa chị Tg với anh Dc, chị Tg, mặt dù chỉ là biên nhận, không được công chứng, chứng thực, nhưng là sự tự nguyện giữa các bên giao kết hợp đồng, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên; chị Tg nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng anh Dc, chị Tg không thực hiện việc trả nợ là vi phạm thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ được quy định tại khoản 1 Điều 278 Bộ luật dân sự năm 2015(BLDS) và Điều 280 quy định: "*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận; 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*"; bên cạnh tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác*";

Về lãi suất: Theo giấy mượn tiền đề ngày 23/4/2018, thì giữa chị Phạm Thị Tg với anh Nguyễn Hữu Dc và chị Nguyễn Thị Thùy Tg không có thỏa thuận lãi suất. Tại khoản 4 Điều 466 quy định: "*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả...*". Tại phiên tòa, cũng như trong quá tình tố tụng, nguyên đơn đều cho rằng vay có lãi, nhưng không thỏa thuận lãi suất cụ thể, mà tùy từng lần vay tiền sẽ đóng lãi suất do hai bên tự thỏa thuận với nhau tương ứng với thời gian vay.

Theo biên nhận ngày 23/4/2018, là ngày kết toán nợ giữa chị Tg với anh Dc và chị Tg. Sau khi kết toán nợ, chị Tg cũng đã nhiều lần thông thông báo đến anh Dc, chị Tg về việc trả nợ, nhưng anh Dc, chị Tg vẫn không thực hiện việc trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay;

Từ những nhận định trên, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày khởi kiện (ngày 15 tháng 12 năm 2020) đến khi thi hành án xong là có căn cứ, nên được chấp nhận. Cụ thể, lãi suất được tính như sau: Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 09/4/2021 là 115 ngày với lãi suất 10%/năm = 182.739.000 (Một trăm tám mươi hai triệu bảy trăm ba mươi chín ngàn đồng);

Như vậy tổng tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử (ngày 09/4/2021) được xác định là: 5.800.000.000đồng + 182.739.000đồng = 5.982.739.000 (*Năm tỷ chín trăm tám mươi hai triệu bảy trăm ba mươi chín ngàn đồng*).

Từ những phân tích nhận định trên, cũng như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, có đủ cơ sở và căn cứ pháp luật buộc anh Nguyễn Hữu Dc, chị Nguyễn Thị Tg cùng liên đới trách nhiệm trả chị Phạm Thị Tg số tiền 5.982.739.000 (*Năm tỷ chín trăm tám mươi hai triệu bảy trăm ba mươi chín ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về án phí:

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Bị đơn bị buộc trách nhiệm trả nợ vay và lãi, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 278, Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Nguyễn Hữu Dc và chị Nguyễn Thị Thùy Tg cùng liên đới chịu trách nhiệm trả cho chị Phạm Thị Tg số tiền 5.982.739.000 (*Năm tỷ chín trăm tám mươi hai triệu bảy trăm ba mươi chín ngàn đồng*);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phạm Thị Tg không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Tg số tiền 56.900.000 *(Năm mươi sáu triệu chín trăm nghìn)* đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai 0004226 ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Anh Nguyễn Hữu Dc và chị Nguyễn Thị Thùy Tg phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 113.982.739 *(Một trăm mười ba triệu chín trăm tám mươi ngàn, bảy trăm ba mươi chín)* đồng.

[3] Về quyền kháng cáo

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Tg có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Dc, chị Tg trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. X (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.X (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Dc